

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện Đề án kiểm kê, sưu tầm bảo quản, trưng bày, tuyên truyền di sản văn hóa truyền thống điển hình của các dân tộc thiểu số Việt Nam, giai đoạn 2016-2020

Thực hiện Công văn số 109/BVHTTDL-DSVH ngày 08/01/2020 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc báo cáo kết quả thực hiện Đề án kiểm kê, sưu tầm bảo quản, trưng bày, tuyên truyền di sản văn hóa truyền thống điển hình của các dân tộc thiểu số Việt Nam, giai đoạn 2016-2020; Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông báo cáo như sau:

A. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH CHUNG CỦA TỈNH ĐẮK NÔNG

Đắk Nông là tỉnh nằm ở phía nam Tây Nguyên được thành lập năm 2004, có diện tích tự nhiên 650.927 ha, 8 huyện, thành phố; 71 xã, phường, thị trấn. Dân số trung bình của tỉnh trên 622 nghìn người bao gồm 40 thành phần dân tộc, trong đó dân tộc thiểu số chiếm trên 31,23%, dân tộc thiểu số tại chỗ (M'Nông, Mạ, và Êđê) chiếm khoảng 10,4% dân số, cùng với các dân tộc thiểu số khác (Tày, Thái, Nùng, Mông...) xen cư. Toàn tỉnh có 03 tôn giáo chính là Phật giáo, Công giáo, Tin lành và còn có một số tôn giáo khác như: Cao đài, Phật giáo Hòa hảo, Hồi giáo. Tín đồ tôn giáo chiếm 36,10% dân số, trong đó tín đồ là người dân tộc thiểu số chiếm 12,6% so với dân số toàn tỉnh.

Cộng đồng dân tộc thiểu số tại chỗ với lịch sử cư trú lâu đời và đời sống sinh hoạt lao động sản xuất gắn liền với núi rừng, nương rẫy... đã hình thành nên một kho tàng di sản văn hóa hết sức độc đáo, đa dạng và phong phú, nổi bật là: Công chiêng và diễn tấu công chiêng, các loại nhạc cụ truyền thống, hát kể Sử thi, các nghi lễ, lễ hội, dệt thổ cẩm, đan lát..., đặc biệt là các làn điệu dân ca, dân vũ luôn phản ánh thế giới quan tín ngưỡng đa thần không chỉ riêng của các tộc người thiểu số tại chỗ mà còn làm nổi bật nét đẹp bản sắc văn hóa riêng của tỉnh Đắk Nông.

Là tỉnh có vị trí quan trọng về chính trị, kinh tế, văn hóa – xã hội, an ninh quốc phòng trong khu vực Tây Nguyên và miền Nam Trung bộ; cơ sở hạ tầng còn nhiều hạn chế, đời sống vật chất và tinh thần của người dân còn nhiều khó khăn, số hộ nghèo của tỉnh năm 2019 vẫn còn chiếm tỷ lệ khá cao (17.128 hộ, chiếm tỷ lệ 10,58%), mức độ hưởng thụ văn hóa của đại bộ phận nhân dân còn thấp. Đội ngũ cán bộ văn hóa ở cơ sở còn nhiều hạn chế về năng lực thực tiễn và chuyên môn nghiệp vụ, lại thường xuyên thay đổi nên gây khó khăn trong việc

quản lý văn hóa ở cơ sở; các xã biên giới và đồng bào dân tộc thiểu số chủ yếu ở vùng sâu, vùng xa, các phương tiện thông tin đại chúng còn thiếu. Bên cạnh đó, các thế lực thù địch tìm mọi cách để xuyên tạc những đường lối, chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước làm ảnh hưởng không nhỏ tới đời sống tinh thần của đồng bào và ảnh hưởng đến định chính trị, an ninh quốc phòng của tỉnh nhà.

B. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

I. Công tác chỉ đạo

Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông đã ban hành các văn bản nhằm triển khai Đề án Kiểm kê, sưu tầm, bảo quản, trưng bày, tuyên truyền di sản văn hóa truyền thống điển hình của các dân tộc thiểu số Việt Nam, giai đoạn 2016 – 2020 ban hành kèm theo Quyết định số 2493/QĐ-TTg ngày 22/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ cụ thể như sau:

- Công văn số 2171/UBND-VX ngày 20/5/2015 về việc kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể của đồng bào các dân tộc thiểu số tại chỗ trên địa bàn tỉnh;

- Kế hoạch số 331/KH-UBND ngày 11/8/2016 của về việc kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể năm 2016;

- Quyết định số 1572/QĐ-UBND ngày 13/9/2016 về việc thành lập Ban kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể tỉnh Đắk Nông;

Ngoài ra, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo xây dựng Kế hoạch kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể của các dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Đắk Nông, qua đó, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã xây dựng Kế hoạch số 42/KH-SVHTTDL ngày 15/10/2015 và Kế hoạch số 42/KH-SVHTTDL ngày 19/10/2017 để triển khai thực hiện.

II. Kết quả triển khai các nhiệm vụ trọng tâm

1. Kiểm kê di tích, di sản văn hóa phi vật thể

a) Công tác kiểm kê di tích

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 11 di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh được nhà nước xếp hạng, gồm 09 di tích lịch sử (01 di tích lịch sử cấp quốc gia đặc biệt, 05 di tích cấp quốc gia và 03 di tích cấp tỉnh) và 02 danh thắng. Trong tổng số 09 di tích lịch sử cách mạng nói trên thì có 2 di tích đã được Nhà nước đầu tư xây dựng, trùng tu, tôn tạo, chính thức đi vào hoạt động (di tích lịch sử Ngục Đắk Mil mở cửa đón khách tham quan vào năm 2010 và di tích lịch sử Căn cứ kháng chiến B4 - Liên tỉnh IV hoàn thành các hạng mục đầu tư xây dựng năm 2013) và 01 di tích đang trong quá trình đầu tư xây dựng, tôn tạo, phục dựng (Di tích lịch sử một số địa điểm phong trào đấu tranh chống thực dân Pháp của đồng bào M'ông do N'Trang Long lãnh đạo.).

Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan (di tích lịch sử cách mạng được hình thành trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, phần lớn là hầm hào, lán trại tạm bợ, không có các công trình xây dựng

kiên cố...) trải qua thời gian và tác động của chiến tranh, nhiều dấu tích lịch sử bị xóa mờ, mất gốc thậm chí không còn nữa; một số công trình di tích lịch sử được đầu tư xây dựng, tôn tạo phục dựng, tuy nhiên do tác động của thời gian, khí hậu đã bị hư hỏng, xuống cấp (*Phụ lục 1 - Danh mục hiện trạng di tích, danh thắng kèm theo*).

Ngoài số lượng di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh đã được nhà nước xếp hạng, hiện nay trên địa bàn tỉnh Đắk Nông đã phát hiện khoảng trên 70 di tích và cụm di tích khảo cổ học. Trong đó có 8 di tích đã được khai quật: di chỉ Đồi Nghĩa Trang, huyện Đắk R'Lấp được khai quật năm 1995 với diện tích 25m²; di chỉ xưởng thôn 8, xã Đắk Wil, huyện Cư Jút được khai quật lần thứ nhất năm 2006 và lần thứ 2 vào năm 2014; địa điểm mộ chum ở Suối Ba, xã Nhân Cơ, huyện Đắk R'Lấp được khai quật khẩn cấp năm 2010; địa điểm mộ chum ở thôn 17, xã Nhân Cơ, huyện Đắk R'Lấp được khai quật khẩn cấp năm 2017; địa điểm phát hiện đàn đá Đắk Sơn, thuộc địa phận thôn Đắk Sơn, xã Nam Xuân, huyện Krông Nô được khai quật năm 2017; địa điểm Rừng Lạnh, xã Đắk Hòa, huyện Đắk Song và địa điểm thôn Tân Lập, xã Đắk Gản, huyện Đắk Mil được khai quật khẩn cấp năm 2018; đặc biệt là địa điểm khảo cổ học tại cụm hang C6 và C6' (trong khu vực hang động núi lửa Krông Nô) thuộc địa phận thôn Nam Tân, xã Nam Đà, huyện Krông Nô được Bảo tàng Thiên nhiên Việt Nam phối hợp với Viện Khảo cổ học Việt Nam tiến hành khai quật từ năm 2017 đến nay.

b) Công tác kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể trên địa bàn tỉnh

Trước đây, đồng bào các dân tộc thiểu số tại chỗ ở Đắk Nông gắn bó với núi rừng, nương rẫy để duy trì cuộc sống và sự phát triển của mình. Do ảnh hưởng của tập quán du canh, du cư, hoạt động sản xuất chủ yếu dựa vào tự nhiên là chính và mang đậm tính cộng đồng dưới sự điều hành của một người có uy tín gọi là già làng, họ cùng nhau khai thác một vùng đất rừng, cùng tiến hành gieo trồng vào các thời gian như nhau, cùng giúp đỡ lẫn nhau trong sản xuất, săn bắn, hái lượm... Trong những năm qua, được sự quan tâm chỉ đạo của Trung ương, sự chủ động, sáng tạo, tinh thần đoàn kết, quyết tâm của cấp ủy, chính quyền các cấp, sự nỗ lực phấn đấu của hệ thống chính trị và nhân dân các dân tộc tỉnh Đắk Nông đã đạt được những thành tựu quan trọng trên các lĩnh vực: chính trị, văn hóa - xã hội, quốc phòng - an ninh và công tác đối ngoại, đời sống vật chất và tinh thần của các tầng lớp nhân dân không ngừng được nâng lên. Tuy nhiên, hiện nay thế hệ trẻ không còn tha thiết với các loại hình sinh hoạt văn hóa dân gian, xem nhẹ các giá trị tinh thần truyền thống, có nguy cơ làm đứt đoạn với truyền thống văn hóa dân tộc. Chất lượng đời sống văn hóa và mức hưởng thụ văn hóa tinh thần của nhân dân ở cơ sở chưa đồng đều, còn sự chênh lệch giữa các địa phương trong tỉnh do cơ sở hạ tầng, phương tiện phục vụ cho đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân còn hạn chế.

Đời sống văn hóa tinh thần của đồng bào các dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn. Các hủ tục mê tín dị đoan vẫn còn, trong khi đó đời sống sinh hoạt văn hóa mang đậm bản sắc của đồng bào các dân tộc thiểu số tại chỗ đang bị

phai nhạt. Cùng với sự phát triển của xã hội, đời sống kinh tế của đồng bào các dân tộc cũng đã thay đổi. Kinh tế thị trường đã xâm nhập đến từng bon, buôn, bản, phương thức canh tác ngày một thay đổi. Đời sống tín ngưỡng cũng đã thay đổi trong các bon, buôn, bản nên đồng bào các dân tộc thiếu số tại chỗ đã dần quên giá trị văn hóa truyền thống của ông cha để lại. Những năm gần đây, khi thông tin và các phương tiện chuyển tải văn hóa nghệ thuật ngày càng phát triển và hiện đại, bên cạnh những ưu điểm mang lại thì các tiêu cực của sự vận động xã hội đã làm cho nền văn hóa truyền thống bị mai một.

Hoạt động văn hóa dân gian trước đây diễn ra thường xuyên ở các bon, buôn đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ thì giờ đây trở nên thưa dần; nhiều phong tục tập quán, lễ hội đang bị mai một, không còn tổ chức trong cộng đồng bon, buôn cũng như theo hộ gia đình. Nhiều bon, buôn không còn biết chế tác và diễn tấu các nhạc cụ dân gian truyền thống như: wao, r' lét, m'buốt, gong rêng..., các loại hình dân ca, sử thi, truyện cổ, các nghi lễ, lễ hội, nghề thủ công truyền thống cũng đứng trước nguy cơ mai một. Do đó, việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa phi vật thể trên địa bàn tỉnh là hết sức cần thiết trong thời gian tới.

Trong quá trình kiểm kê đã nhận thấy rằng hiện nay trong các thôn, bon, buôn, bản của người đồng bào dân tộc thiểu số, các di sản văn hóa phi vật thể vẫn tồn tại và phát huy được giá trị nhưng không còn duy trì rộng khắp mà chỉ phân bố rải rác ở một số thôn, bon, buôn, bản của các xã trong các huyện, thành phố hoặc chỉ có một vài người trong bon, buôn còn lưu giữ được các loại hình di sản văn hóa như: hát dân ca, kể sử thi, diễn tấu cồng chiêng, truyện cổ, luật tục...

*** Thời gian và địa bàn kiểm kê**

Tỉnh Đắk Nông đã triển khai thực hiện trên 147 bon, buôn, bản có đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống (trong đó 137 bon, buôn của các dân tộc M'Nông, Mạ, Ê đê và 10 bản của các dân tộc Mông, Tày, Nùng, Thái, Dao... trên địa bàn tỉnh Đắk Nông với 02 đợt kiểm kê:

- Năm 2015, tiến hành kiểm kê 56 bon của 03 huyện: Đắk R'Lấp, Cư Jút và Đắk Glong.

- Năm 2017, đã tiến hành kiểm kê 147 bon, buôn, bản có đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống.

*** Đối tượng kiểm kê**

- Các dân tộc thiểu số tại chỗ: M'Nông, Mạ và Ê đê.

- Các dân tộc thiểu số phía Bắc: Tày, Nùng, Thái, Mông, Dao...

*** Các loại hình văn hóa phi vật thể trên địa bàn tỉnh**

- Các loại hình văn hóa phi vật thể của đồng bào các dân tộc thiểu số tại chỗ tỉnh Đắk Nông

+ Cồng chiêng

Là loại nhạc cụ truyền thống đặc sắc, là món ăn tinh thần không thể thiếu trong đời sống của người M'ông, Mạ, Ê đê; có ý nghĩa hết sức quan trọng trong đời sống tâm linh, là công cụ mang tính thông tin giữa thần linh với cộng đồng. Cồng chiêng được diễn tấu trong các nghi lễ, lễ hội của cộng đồng và tất cả các sinh hoạt của bon, buôn như lễ hội, đám cưới, đám tang, mừng thọ... và gắn liền với họ từ lúc sinh ra cho đến khi qua đời. Vì thế, đồng bào các dân tộc thiểu số tại chỗ tỉnh Đắk Nông coi cồng chiêng như là sức mạnh vật chất, sự giàu có của cá nhân, gia đình, dòng họ và bon, buôn. Có những bộ chiêng quý, ở núm chiêng có pha vàng, bạc phải đổi vài chục con trâu mới có được. Do vậy, cồng chiêng là tài sản quý hiếm được lưu giữ, truyền từ đời này sang đời khác.

Theo điều tra năm 2017, toàn tỉnh còn có 186 bộ chiêng (trong đó 157 bộ chiêng M'ông, 12 bộ chiêng Mạ và 17 bộ chiêng Ê đê) và 01 bộ goong prac, 01 bộ goong pe, 02 bộ đàn đá còn trong cộng đồng các dân tộc (*có phụ lục 08 và kèm theo*). Ngoài ra, tỉnh đã mua 150 bộ chiêng (03 bộ chiêng Ê đê và 147 bộ chiêng M'ông) từ nguồn kinh phí của Đề án “Bảo tồn, phát huy Lễ hội - Hoa văn - Cồng chiêng và nhạc cụ dân gian của dân tộc M'ông tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2005-2009” và Đề án “Bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa Lễ hội - Hoa văn - Cồng chiêng và nhạc cụ của các dân tộc thiểu số tại chỗ, giai đoạn 2010-2015” cấp cho các đội văn nghệ dân gian các huyện, thành phố sử dụng. Trước đây, số lượng nghệ nhân biết diễn tấu cồng chiêng ở các bon, buôn trên địa bàn tỉnh Đắk Nông khá nhiều (trung bình mỗi bon, buôn có khoảng 50 - 70 người biết diễn tấu cồng chiêng) nhưng hiện nay hầu hết ở các bon, buôn số nghệ nhân cồng chiêng còn rất ít (mỗi bon chỉ còn khoảng từ 10 - 20 người, thậm chí có bon, buôn không còn nghệ nhân nào biết diễn tấu cồng chiêng). Bên cạnh đó, do ảnh hưởng của tôn giáo, ảnh hưởng mặt trái của nền kinh tế thị trường và ảnh hưởng của văn hóa hiện đại phương Tây nên sinh hoạt văn hóa cồng chiêng đang có nguy cơ mai một dần. Vì vậy, việc bảo tồn, kế thừa, phát huy nền văn hóa cồng chiêng của các dân tộc thiểu số tại chỗ đã được các cấp lãnh đạo đặc biệt quan tâm, coi đây là một nội dung quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và phát triển nền văn hóa mang đậm bản sắc của tỉnh nhà.

Tính đến tháng 12/2017 theo thống kê trên địa bàn tỉnh có khoảng 843 nghệ nhân còn sử dụng được cồng chiêng (*có phụ lục 07 kèm theo*). Hiện nay, toàn tỉnh có 41 nghệ nhân được Chủ tịch nước phong tặng danh hiệu “nghệ nhân ưu tú”, 2 nghệ nhân được phong tặng danh hiệu “nghệ nhân nhân dân” và 01 nghệ nhân được truy tặng danh hiệu “nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể.

+ Nhạc cụ dân tộc

Trong quá trình sinh sống và phát triển, đồng bào các dân tộc thiểu số tại chỗ tỉnh Đắk Nông đã sáng tạo ra một hệ thống âm nhạc phong phú với nhiều loại nhạc cụ độc đáo mang âm hưởng đặc trưng của vùng đất Tây Nguyên. Mỗi loại nhạc cụ đều được chế tác bằng những chất liệu riêng biệt, có hình dáng, âm thanh khác nhau nên được sử dụng trong nhiều trường hợp khác nhau. Tuy đơn giản, mộc mạc nhưng chứa đựng được tâm tư, tình cảm của con người với ước

vọng về tương lai tươi sáng hơn. Họ xem âm nhạc vừa là món ăn tinh thần vừa là “cầu nối” giữa con người với thế giới thần linh và mỗi loại nhạc cụ đều có một vị thần trú ngụ nên việc diễn tấu và chế tạo nhạc cụ cũng tuân theo một số quy định riêng biệt. Một điều dễ nhận thấy nhất là nhạc cụ tuy thô sơ, được chế tạo từ những nguyên liệu sẵn có trong tự nhiên như: đá, tre nứa, lồ ô... nhưng không kém phần phong phú về chủng loại. Việc sử dụng các loại nhạc cụ của đồng bào luôn gắn liền với những sự kiện đời sống văn hóa, xã hội. Tiêu biểu nhất của sự sáng tạo này là từ những tấm đá thô sơ nhưng người M'ông đã sáng chế ra bộ đàn đá (goong lú) gồm 06 thanh đá, có kích thước và hình dạng khác nhau. Mỗi thanh đều có một âm sắc tương ứng với một chiếc chiêng trong bộ chiêng đồng. Qua khảo sát và sưu tầm thì người M'ông, Mạ, Ê đê trên địa bàn tỉnh còn lưu giữ, sáng chế ra nhiều loại nhạc cụ có giai điệu khác nhau như:

Nhạc cụ của người M'ông: r lét, nung (tù và), m'buốt (kèn 06 ống), n'hôm, goong rêng (đàn tre), guéch (đàn môi), goong lú (đàn đá), đing gor (chiêng ống chỉ dùng trong đám tang), gar (trống), m'ló...

Nhạc cụ của người Ê đê: đàn t'rung, trống, sáo, khèn, dộc, kni, đinh năm, đinh ktuk, đàn bro, ching ram (chiêng tre)...

Nhạc cụ của người Mạ: khèn bầu, sáo trúc, tù và sừng trâu, khèn sừng trâu, đàn lồ ô, sáo trúc 03 lỗ gắn vào trái bầu khô...

Theo thống kê năm 2017, trên địa bàn tỉnh còn có khoảng 194 nghệ nhân biết chế tác và sử dụng nhạc cụ dân tộc (*có phụ lục 12 kèm theo*). Do đó, để bảo tồn và phát huy các loại nhạc cụ truyền thống của người M'ông, Mạ, Ê đê thì cần phải có những chương trình, đề án cụ thể, qua đó sưu tầm và tổ chức các lớp chế tác nhạc cụ dân tộc trong cộng đồng nhằm làm phong phú thêm bản sắc văn hóa các dân tộc trên địa bàn tỉnh.

+ Dân ca:

Ot N'drong (hay còn gọi là hát kể sử thi): là hình thức hát kể về các câu chuyện xưa được truyền miệng từ đời này sang đời khác, là sinh hoạt văn hóa tinh thần không thể thiếu của người M'ông. Môi trường diễn xướng khá phong phú như trên rừng, trên rẫy, ở nhà, các lễ hội, vào những lúc nhàn rỗi nhằm phục vụ nhu cầu giải trí của cộng đồng với nội dung rất đa dạng nhưng phần lớn ca ngợi về lịch sử hình thành bon, buôn, phản ánh những tâm tư tình cảm, những câu chuyện tình yêu đầy hấp dẫn, những ước mơ trong cuộc sống của dân tộc M'ông. Ot N'drong có vai trò đặc biệt quan trọng trong đời sống người M'ông ở Đắk Nông. Đối tượng được phản ánh trong Ot N'drong rất phong phú và đa dạng, bao gồm mọi mặt của xã hội. Ot N'drong trở thành một hình thức sinh hoạt văn hóa cộng đồng, là bản sắc văn hóa độc đáo của người M'ông ở vùng Nam Tây Nguyên. Ot N'drong được sử dụng trong nhiều bối cảnh, không gian và thời gian: từ những cuộc vui của bon, buôn đến những lễ hội, nghi lễ, lời tỏ tình của trai gái, cho đến chuyện đấu lý, phạt vạ, xử kiện,... đều có thể dùng Ot N'drong để giải trí, răn dạy hay giáo dục con người, hướng con người tới những điều tốt đẹp của chân - thiện - mỹ. Ngày 19/12/2014, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã công nhận và đưa Ot N'drong (Sử thi) của người M'ông vào

Danh mục Di sản văn hóa phi vật thể cấp quốc gia. Ngày nay, sử thi vẫn còn đóng vai trò quan trọng trong đời sống xã hội của người M'ông trên vùng đất Nam Tây Nguyên. Vì vậy, việc sưu tầm, bảo tồn và phát huy những giá trị sử thi của người M'ông càng có ý nghĩa trong cuộc sống đương đại của dân tộc và để truyền lại cho con cháu thế hệ mai sau. Cùng với sự phát triển của xã hội, đời sống kinh tế của người M'ông cũng đã thay đổi. Nền kinh tế thị trường, khoa học công nghệ đã làm thay đổi quan niệm và lối sống của thế hệ kế cận, do đó hát kể sử thi không thể cạnh tranh với sự đa dạng và hấp dẫn của các loại phương tiện nghe nhìn hiện đại. Bên cạnh đó, các nghệ nhân hiện nay già yếu, một số người quên không nhớ được nhiều các trường đoạn của sử thi. Một số nghệ nhân biết kể sử thi đi làm ở rẫy xa nhà nhiều ngày, không có nhiều thời gian và không gian cũng như các dịp nông nhàn để diễn xướng sử thi cho các thành viên trong gia đình và cộng đồng như trước đây. Đây là những nguy cơ đe dọa sự tồn tại của di sản văn hóa phi vật thể Sử thi vì nếu chính cộng đồng, những người thực hành Ot N'drong không hiểu rõ ý nghĩa và tầm quan trọng của nó thì dần sẽ có nguy cơ biến mất. Do đó, điều quan trọng nhất hiện nay là cần có chế độ chính sách khuyến khích nghệ nhân hát kể thường xuyên hơn trong cộng đồng và truyền dạy cho lớp trẻ Ot N'drong ở những bối cảnh sinh hoạt cộng đồng, xã hội, môi trường giáo dục và trong gia đình.

Qua điều tra năm 2017 có thể nhận thấy Ot N'drong đang phải đối mặt với thực trạng là số nghệ nhân trong các bon biết kể Sử thi M'ông đã không còn nhiều như trước nữa, do sức khỏe già yếu nên một số nghệ nhân đã qua đời mà chưa kịp truyền dạy cho thế hệ trẻ. Bởi sử thi M'ông vốn lưu lại trong trí nhớ của một số ít nghệ nhân lớn tuổi ở bon của người M'ông. Trong quá trình tồn tại với những tác động của đời sống xã hội nên Ot N'drong M'ông đã ít nhiều bị mai một. Theo thống kê tính đến tháng 12 năm 2017 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông còn khoảng 12 nghệ nhân nhớ và hát kể được Ot N'drong (có phụ lục 03 kèm theo).

Dân ca của người M'ông, Mạ, Ê đê được sử dụng trong các nghi lễ, lễ hội và sinh hoạt hàng ngày với nhiều giai điệu đơn giản được lặp đi lặp lại. Nội dung thường ca ngợi các anh hùng dân tộc, tình yêu quê hương, những người lao động sản xuất giỏi hay răn dạy con cháu những điều hay lẽ phải, phê phán những thói hư tật xấu... Dân ca của đồng bào các dân tộc thiểu số tại chỗ tỉnh Đắk Nông có nhiều thể loại như: hát ru con, hát đồng dao, hát kể, hát khóc, hát khấn thần, hát giao duyên... Về cách thể hiện thì có 02 hình thức diễn xướng là độc diễn (hát một người) và hát đối đáp giao duyên nam nữ hoặc những người lớn tuổi với nhau... Theo thống kê của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch năm 2017, trên toàn tỉnh có khoảng 301 nghệ nhân biết và hát những làn điệu dân ca của dân tộc mình (có phụ lục 06 kèm theo).

Hát ru con: có cung bậc âm thanh trầm, đều đặn, sâu lắng của người bà ru cháu, mẹ ru con, chị ru em... khiến em bé dễ đi vào giấc ngủ. Thậm chí ngay cả khi đi con trên đường lên nương hay đang lao động sản xuất phụ nữ cũng thường hay ru con. Hầu hết những bài hát ru đều có nội dung nói về nhận thức, ước mơ, hoài bão của các bà, các mẹ, các chị về cháu, con, em mình. Với nội

dung đó và giai điệu sâu lắng có lẽ em bé sẽ được chấp thêm đôi cánh ước mơ, ngay từ khi tuổi còn thơ.

Hát đối đáp: Là hình thức hát dân gian của nhiều người chia làm hai nhóm để hát thi với nhau. Hát đối đáp thường có sẵn bài để hát. Tuy nhiên, trong quá trình hát, người hát còn ngẫu hứng thể hiện tâm tư tình cảm của mình bằng việc thêm vào những lời ca mới. Nội dung hát đối đáp thường nói về cảnh quan thiên nhiên, về tình yêu quê hương, lứa đôi. Trong loại hình hát đối đáp thì hình thức phổ biến nhất là hát giao duyên nam nữ, đó là những khúc ca tâm tình cháy bỏng, khát vọng tình yêu hạnh phúc lứa đôi của những chàng trai, cô gái yêu nhau muốn được thành vợ, thành chồng.

Hát khóc: Chủ yếu thể hiện sự thương tiếc về người đã mất, hoặc con trâu sắp chết trong các lễ hội. Hát khóc thường có giọng ai oán sầu não khiến người nghe phải buồn theo. Hát khóc trong đám tang thường kể về số phận người đã mất và những công trạng của họ đối với người còn sống trong gia đình và cầu mong cho người chết siêu thoát. Ở bài hát khóc, hình thức lặp từ, lặp ngữ đã có tác dụng rất lớn trong việc khắc sâu công trạng của người đã chết và qua đó cũng bày tỏ được lòng tiếc thương vô hạn của mọi người trong gia đình, bon làng.

Khấn thần: Được sử dụng trong các nghi lễ của đồng bào dân tộc M'ông, Mạ, Ê đê nhằm cầu xin thần linh phù hộ cho bon làng được mạnh khỏe, mưa thuận gió hòa, mùa màng bội thu và những gì tốt đẹp nhất đến với bon làng.

+ Truyện cổ: Truyện cổ của đồng bào các dân tộc thiểu số tại chỗ tỉnh Đắk Nông mang đậm yếu tố mẫu hệ. Mỗi câu chuyện là một bức tranh sinh động về phong tục, tập quán, về tình mẫu tử, tình anh em, tình đoàn kết cộng đồng hay về các cuộc đấu tranh chinh phục núi rừng, thiên nhiên để tồn tại và phát triển của các tộc người, đấu tranh chống lại cái ác, cái xấu đem lại sự bình đẳng, ấm no cho các bon làng Tây Nguyên. Nội dung của truyện cổ của người M'ông, Mạ, Ê đê đều phản ánh quá trình nhận thức của con người về sự hình thành trời đất, núi sông, muôn loài, sự hình thành các tộc người ở Tây Nguyên. Truyện cổ chứa đựng những ước mơ, hoài bão và mang đậm tính dân tộc, tính nhân văn sâu sắc của cộng đồng, là di sản văn hóa phi vật thể được hình thành và lưu truyền trong đời sống, sinh hoạt văn hóa của đồng bào từ bao đời nay, là viên ngọc sáng trong kho tàng truyện cổ dân gian Tây Nguyên cần được sưu tầm, gìn giữ và lưu truyền trong cuộc sống cộng đồng nhằm giáo dục chân - thiện - mỹ cho mọi thế hệ. Tuy nhiên, hiện nay lực lượng nghệ nhân kể truyện cổ rất hạn chế do các nghệ nhân lớn tuổi qua đời hoặc đã quên dần nội dung của các câu chuyện nên truyện cổ bị mai một, không còn được lưu truyền và duy trì trong cuộc sống cộng đồng. Theo thống kê năm 2017, trên toàn tỉnh có khoảng 106 nghệ nhân biết và kể được truyện cổ của cộng đồng (*có phụ lục 02 kèm theo*).

+ Luật tục: Người M'ông, Mạ, Ê đê trước đây sống rải rác ở mỗi bon, buôn có khoảng 2 hoặc 3 hộ, mỗi hộ có từ 10-15 khẩu, bon, buôn nọ cách bon, buôn kia 10-20km, sinh sống du canh, du cư, ăn ở làm nương rẫy theo từng vùng, từng khu vực mà ông cha tổ tiên để lại. Họ không được xâm canh, lấn

chiếm ranh giới của nhau, lấy dòng sông hay dãy núi làm ranh giới đất rừng và tự bảo vệ. Tuy nhiên, hiện nay đã chuyển vào cuộc sống định canh, định cư, xóa dần các tập quán lạc hậu, từng bước áp dụng khoa học kỹ thuật trong trồng trọt, chăn nuôi. Nhưng do phong tục tập quán ở đây vẫn còn lạc hậu nên các luật tục và phong tục tập quán vẫn còn tồn tại khá mạnh, ý thức về luật tục vẫn còn in đậm trong cộng đồng. Vì vậy, cuộc sống của dân tộc M'ông, Mạ, Ê đê hiện nay vừa chấp hành pháp luật của nhà nước, vừa áp dụng duy trì luật tục của mình cho nên hiệu lực, hiệu quả quản lý cộng đồng bằng luật tục vẫn có kết quả nhất định. Luật tục là công cụ để điều chỉnh, củng cố các mối quan hệ trong cộng đồng, luật tục và phong tục tập quán đi đôi với nhau. Phong tục tập quán để ra thành luật tục chứ không có người nào ban hành luật tục. Luật tục trước đây áp dụng hình phạt nặng hơn luật tục hiện nay. Nhưng ngược lại, pháp luật xử lý vụ gì mà không làm theo phong tục tập quán cũng chưa xong. Các dân tộc thiểu số tại chỗ tỉnh Đắk Nông lấy heo, gà, ché rượu làm biên bản kết thúc bỏ qua các mặc cảm hận thù giữa hai bên. Trước đây và hiện nay nhiều người cho luật tục là lạc hậu, qua thực tế nó có vai trò tích cực, có hiệu lực trong quản lý cộng đồng các dân tộc thiểu số tại chỗ tỉnh Đắk Nông. Nhưng qua thực tế, luật tục có vai trò chỉ đạo, điều chỉnh của già làng. Việc áp dụng luật tục cần chọn lọc cái hay cái đẹp và các già làng là người có vai trò quyết định trong việc xử lý, do đó luật tục của người M'ông, Mạ, Ê đê cần phải được tôn vinh. Trong kho tàng văn hóa thì luật tục, phong tục tập quán mang đậm bản sắc riêng trong cộng đồng nhưng chưa được khai thác và phát huy hết hiệu quả. Theo thống kê năm 2017, trên toàn tỉnh có khoảng 139 nghệ nhân biết kể luật tục và phong tục tập quán truyền thống của cộng đồng (có phụ lục 05 kèm theo).

+ Lễ hội dân gian: Tỉnh Đắk Nông có 03 dân tộc thiểu số tại chỗ là M'ông, Mạ và Ê đê, mỗi dân tộc đều có những sắc thái văn hóa rất đặc trưng, sinh hoạt văn hóa cộng đồng luôn gắn liền với các nghi lễ, lễ hội. Phần lớn các lễ hội vẫn giữ được nét truyền thống riêng của từng dân tộc, từng vùng. Song hiện nay do quá trình giao thoa, tiếp biến văn hóa đã ảnh hưởng lẫn nhau nên có phần thay đổi. Trong những năm qua công tác quản lý, tổ chức, phục dựng hệ thống nghi lễ, lễ hội truyền thống trên địa bàn tỉnh đã có nhiều chuyển biến tích cực, việc tổ chức các loại hình lễ hội trên địa bàn tỉnh thường xuyên được thực hiện theo đúng chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước góp phần quan trọng vào việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa, nâng cao đời sống tinh thần của nhân dân, thúc đẩy sự phát triển các ngành dịch vụ, du lịch.

Các dân tộc M'ông, Mạ, Ê đê trên địa bàn tỉnh Đắk Nông đều có quan niệm thống nhất về tín ngưỡng truyền thống. Họ cho rằng vạn vật đều có thần (gọi Brah hoặc Yang) nên đã hình thành trong cộng đồng một hệ thống các nghi lễ và lễ hội hết sức phong phú, đa dạng và đặc sắc. Chúng ta có thể phân theo quá trình canh tác, săn bắt, phong tục tập quán, nghi lễ vòng đời... Tuy nhiên, theo đa số các nhà nghiên cứu thì có thể chia lễ nghi của các tộc người M'ông, Mạ, Ê đê thành ba phần, đó là: nghi lễ nông nghiệp, nghi lễ vòng đời người và nghi lễ cộng đồng.

Về nghi lễ nông nghiệp: Người M'ông, Mạ, Ê đê trên địa bàn tỉnh có các nghi lễ như sau: Lễ tìm đất, lễ phát rẫy, lễ đốt rẫy, lễ gieo hạt, lễ vun gốc, lễ mừng cầu mùa, lễ tuốt lúa - rước hồn lúa, lễ cúng lúa mới, lễ cúng 70 gui, 100 gui, lễ cúng bên nước... Hiện nay, nghi lễ nông nghiệp đang có hai xu hướng trái ngược nhau: Xu hướng bảo tồn, phát huy và xu hướng mai một, không còn tổ chức các nghi lễ nông nghiệp này nữa. Ở các bon, buôn gần các thị trấn, thị tứ, mức đô thị hóa nhanh không còn rừng, không còn đất rẫy trồng lúa thì lễ hội mai một, mất dần. Tuy nhiên, những địa phương vùng sâu, vùng xa, vùng có rừng, có đất canh tác lúa như: xã Đăk N'brug (Đăk Song), Quảng Trục, Đăk R'Tih (Tuy Đức)... thì các nghi lễ nông nghiệp được bảo tồn nguyên vẹn.

Nghi lễ vòng đời người: Đối với đồng bào các dân tộc M'ông, Mạ, Ê đê thì đây là một nghi lễ gắn bó từ lúc con người mới sinh ra cho đến khi chết như: lễ cúng khi có thai, lễ cúng bảo vệ thai nhi trong bụng mẹ, lễ cúng cho người mẹ sau khi sinh, lễ cúng mở mắt cho đứa bé, lễ cắt rốn, lễ cúng bà đỡ, lễ tạ ơn ông bà, cha mẹ, lễ cúng hồn cho đứa trẻ sơ sinh, lễ thổi tai, lễ đặt tên, lễ trưởng thành, lễ hỏi, cưới, lại mặt, lễ cúng khi ly hôn, khi vợ chồng tái hợp, lễ cúng mừng con 5, con 7, lễ cúng sức khoẻ cho người già (mừng thọ), lễ tang, tiễn hồn người chết, lễ cúng nhà mới, đón khách... Ngày nay, về cơ bản nghi lễ vòng đời được các dân tộc này bảo tồn và phát huy. Tuy nhiên, mỗi dân tộc có những giá trị văn hóa và những nghi lễ đặc trưng riêng như: người Mạ, M'ông có lễ cà răng căng tai nhưng hiện nay nghi lễ này không còn tồn tại nữa. Dấu ấn để lại chỉ còn những cụ già còn đeo bông tai được căng từ nhỏ. Còn Người Ê đê có nghi lễ rước K'pan, nghi lễ bỏ mả....

Nghi lễ, lễ hội cộng đồng: Là những nghi lễ, lễ hội có quy mô lớn nhất của người M'ông, Mạ, Ê đê và thu hút được hầu hết cộng đồng trong bon, buôn hoặc trong một vùng tham gia. Lễ thường được tổ chức theo chu kỳ (01 năm, 02 năm hoặc 05 năm một lần để có thời gian nuôi trâu, heo, ủ rượu cần) và tùy theo điều kiện của từng gia đình, địa phương. Mỗi dân tộc thì có những nghi lễ, lễ hội cộng đồng khác nhau như: người Mạ còn có 02 nghi lễ cộng đồng lớn (nghi lễ Tách Năng, lễ Iun Jong); người M'ông, Ê đê có lễ kết nghĩa giữa các bon, buôn, lễ sum họp giữa các bon, buôn; người M'ông còn có các nghi lễ liên quan đến săn bắt và thuần dưỡng voi... Trong các nghi lễ cộng đồng này hầu hết người M'ông, Mạ, Ê đê đều tổ chức lễ hiến tế ăn trâu (đâm trâu), đây là một nghi thức không thể thiếu của các nghi lễ cộng đồng. Tuy nhiên, trước những biến tướng gần đây, nghi lễ này trở nên phản cảm, không nhân đạo, vi phạm các quy định về thực hiện nếp sống văn minh, bị dư luận lên án, do vậy, nó đã và đang bị cơ quan chức năng cũng như cộng đồng bon, buôn loại bỏ dần và thay vào đó bằng các nghi thức mô phỏng, tượng trưng khác. Bên cạnh các nghi lễ là những bài chiêng khác nhau do cộng đồng trong bon, buôn diễn tấu để thông tin với thế giới thần linh nhằm cầu mong cho con người khỏe mạnh, mưa thuận gió hòa, mùa màng tươi tốt, cộng đồng no ấm. Điều đó có thể khẳng định rằng, công chiêng và lễ hội gắn bó mật thiết với nhau, ở đâu có tiếng công, tiếng chiêng là ở đó có nghi lễ, lễ hội của cộng đồng.

Hiện nay, với sự gia tăng dân số và nhập cư của các dân tộc khác từ nhiều vùng miền nên xã hội Tây Nguyên nói chung, người M'ông, Mạ, Ê đê nói riêng đã có sự chuyển biến mạnh mẽ. Trước sức ép của làn sóng di dân, rừng bị tàn phá, đất canh tác bị thu hẹp, đồng bào các dân tộc thiểu số tại chỗ đã chuyển đổi hình thức canh tác từ luân canh trồng lúa rẫy sang định canh trồng các loại cây công nghiệp. Sự thay đổi cơ bản về đời sống kinh tế, xã hội ở các bon, buôn theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đặc biệt là sinh hoạt một số tôn giáo đã ảnh hưởng không nhỏ đến đời sống văn hóa truyền thống. Do đó, các hoạt động văn hóa, văn nghệ dân gian trước đây đều diễn ra xung quanh các nghi lễ, lễ hội cộng đồng thì bây giờ không còn tổ chức mà thay bằng những nghi thức tôn giáo mới.

Tỉnh Đắk Nông có khoảng 28 lễ hội truyền thống của 03 dân tộc thiểu số tại chỗ trên cơ sở nguyên gốc, nguyên bản do già làng và đồng bào tự thực hiện để vừa khôi phục lại môi trường văn hóa dân gian truyền thống vừa phát huy được giá trị các di sản phi vật thể. Các nghi lễ, lễ hội đã được phục dựng như: lễ hội mừng lúa mới, lễ hội mừng mùa, lễ cúng bến nước, lễ cúng sức khỏe, lễ cúng thần rừng, lễ phát rẫy, lễ cưới truyền thống, lễ sum họp cộng đồng, lễ vào nhà mới, lễ rước ghé kpan, lễ hội Iun Jông (lễ gắn kết tình thân), lễ tạ ơn (tách năng yô), lễ mừng công... Sau khi phục dựng lại, các lễ hội tiêu biểu này được đồng bào các tộc thiểu số tại chỗ ở Đắk Nông duy trì tự tổ chức ở các cộng đồng dân cư với quy mô phù hợp vào hoàn cảnh và điều kiện cụ thể của cộng đồng. Định kỳ hằng năm tổ chức Ngày hội văn hóa - thể thao các dân tộc tỉnh Đắk Nông tại thành phố Gia Nghĩa thu hút được sự tham gia của các thành phần dân tộc sinh sống trên địa bàn tỉnh, sự quan tâm của các cấp, các ngành cũng như các tầng lớp nhân dân và khách du lịch, góp phần tuyên truyền sâu rộng trong quần chúng nhân dân ý thức bảo vệ và phát huy giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc thiểu số tỉnh Đắk Nông.

+ Ẩm thực truyền thống: Do địa bàn cư trú của người M'ông, Mạ, Ê đê, thường là khu vực có rừng, hai bên sông, suối, nơi có nguồn nước nên ẩm thực của ba tộc người này có nhiều nét tương đồng nhau. Ẩm thực tương đối đơn giản, phần lớn các món ăn được chế biến bằng cách nướng hoặc luộc (nấu canh). Thực phẩm chế biến món ăn thường có sẵn trong tự nhiên như: măng tre, rau rừng, cà đắng, hoa, củ, quả, cá, cua, ốc... Tuy nhiên, ngày xưa khi rừng còn nhiều, nghề săn bắt thú rừng rất phát triển và đây là nguồn thực phẩm quan trọng của các dân tộc. Ngoài ra, đồng bào các dân tộc thường thích ăn các loại rau, quả có vị cay, đắng nên hầu hết các món ăn đều sử dụng ớt, củ nén, sả... Món ăn hàng ngày của của ba dân tộc này thường dùng với cơm gạo tẻ.

Khi tổ chức lễ hội, ma chay, cưới hỏi hoặc ăn mừng thì các món ăn thường dùng trong lễ hội gồm: cơm lam, thịt nướng (thịt trâu, thịt gà, thịt dê, thịt heo...). Phần lớn nguyên liệu được nướng trên than, không ướp gia vị mà xiên que hoặc bỏ vào ống lồ ô. Cách chế biến rất tiện dụng, rất ít thời gian, thuận lợi khi đi rừng, đi rẫy. Bên cạnh đó, thức ăn dự trữ được bảo quản theo hai cách: phơi sấy khô và ủ chua. Nhiều loại thức ăn thay vì phơi nắng, họ gác bếp. Gia vị

chính các món ăn các tộc người này là muối và ớt. Cách chế biến muối ớt cũng có bí quyết riêng, đặc biệt khi chấm thịt nướng rất ngon.

Rượu cần là một loại thức uống truyền thống của người Tây Nguyên nói chung và của cộng đồng các dân tộc thiểu số tại chỗ tỉnh Đắk Nông nói riêng. Nét văn hóa rượu cần ở đây là khi uống rượu không uống một mình mà phải uống đông người, vì vậy uống rượu cần thường dùng trong các dịp lễ hội, dịp đón khách... Người M'ông, Mạ, Ê đê rất hiếu khách đến nhà, để tỏ lòng mến khách, chủ nhà đáp lại bằng cách lấy rượu cần được ủ lâu năm ra mời khách, khi mời khách thì chủ nhà uống trước rồi mới đến khách uống và họ quây quần bên nhau đến khi nào khách ra về mới thôi.

+ Dệt thổ cẩm: Đối với đồng bào các dân tộc Tây Nguyên nói chung, các dân tộc thiểu số tại chỗ tỉnh Đắk Nông nói riêng, từ bao đời nay dệt thổ cẩm đã trở thành biểu tượng, nét đẹp văn hóa cổ truyền và không thể thiếu trong đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào. Trước đây, nghề dệt thổ cẩm của các tộc người thiểu số ở tỉnh Đắk Nông là nghề thủ công truyền thống, được phát triển rất sớm, rộng khắp trong các bon, buôn và đóng vai trò rất quan trọng trong đời sống văn hóa, tinh thần và phát triển kinh tế gia đình.

Về trang phục truyền thống thì đã có hàng trăm bộ trang phục truyền thống của đồng bào dân tộc tại chỗ được sưu tầm, bảo quản, trưng bày và giới thiệu tại Bảo tàng tỉnh Đắk Nông. Hiện nay, trên địa bàn tỉnh các hoạt động dệt vẫn được duy trì để phục vụ cho cuộc sống hàng ngày và phục vụ khách tham quan du lịch. Trong quá trình sưu tầm, phục dựng lại các lễ hội, nghi lễ truyền thống của các dân tộc, ngành Văn hóa cũng thường xuyên cấp kinh phí may mới trang phục truyền thống để biểu diễn, qua đó tuyên truyền, khuyến khích người dân biết gìn giữ và phát huy giá trị của trang phục truyền thống của dân tộc mình.

Được sự quan tâm của các cấp chính quyền, trong những năm qua, công tác bảo tồn văn hóa truyền thống của các tộc người thiểu số tỉnh Đắk Nông được chú trọng, trong đó có nghề dệt thổ cẩm. Thông qua hình thức tổ chức các lớp dạy nghề cho đối tượng là chị em người dân tộc thiểu số. Qua đó, nhiều người đã biết dệt, nhiều bạn trẻ đã ý thức được việc bảo tồn vốn văn hóa truyền thống của dân tộc mình. Mỗi dân tộc mang một nét văn hóa đặc trưng riêng, vì vậy các sản phẩm thổ cẩm của các dân tộc cũng mang hồn thái riêng. Ví dụ: sản phẩm thổ cẩm của dân tộc M'ông thì màu chủ đạo là màu đen, màu xanh; của dân tộc Mạ thì màu chủ đạo là màu trắng và đỏ; dân tộc Ê đê thì màu đỏ, màu chàm, màu vàng nghệ và màu xanh. Nhìn vào các trang phục truyền thống, chúng ta có thể nhận ra nét đặc trưng của từng dân tộc. Các sản phẩm thổ cẩm không chỉ đơn thuần là đồ dùng mà còn là sản phẩm văn hóa đặc sắc của mỗi dân tộc. Sản phẩm thổ cẩm của các dân tộc tỉnh Đắk Nông rất phong phú về mẫu mã cũng như chủng loại, mỗi sản phẩm có thể là vòng tay, vòng cổ, giỏ xách, chăn, trang phục áo, váy, khố... đều có màu sắc, đường nét, kỹ thuật trang trí, hoa văn riêng. Các hoa văn thổ cẩm thể hiện quan niệm tín ngưỡng tâm linh về đất trời, sông núi, sức mạnh thiên nhiên và sự dũng cảm của con người.

Những năm qua tỉnh đã đầu tư mua được 384 bộ trang phục của người M'ông, Ê đê (14 bộ trang phục nam, nữ Ê đê và 370 bộ trang phục nam, nữ M'ông) và 232 đai chít đầu hiện được giao cho Trung tâm Văn hóa - Điện ảnh tỉnh, Bảo tàng tỉnh và Đội văn nghệ dân gian các huyện, thành phố lưu giữ và sử dụng. Tuy nhiên, trong bối cảnh phát triển hiện nay, trong quá trình chuyển đổi nền kinh tế, hội nhập toàn cầu hóa đã làm biến đổi những tinh hoa văn hóa. Quá trình giao lưu văn hóa giữa các tộc người đang diễn ra mạnh mẽ nên xu hướng Việt (kinh) hóa hoặc Âu hóa đang diễn ra với cấp độ nhanh chóng. Đặc biệt, các nghề được làm bằng thủ công truyền thống của các dân tộc thiểu số đang dần bị chuyển đổi làm bằng công nghiệp nên các tộc người thiểu số ở Đắk Nông cũng ảnh hưởng theo. Đời sống kinh tế cũng khá hơn nên họ có sự chuyển đổi mạnh mẽ trong trang phục truyền thống, những bộ đồ thổ cẩm truyền thống được thay bằng những trang phục hiện đại như quần tây, quần bò, áo sơ mi... Bên cạnh đó, các nghề dệt thổ cẩm ngày càng ít, số nghệ nhân có kinh nghiệm truyền dạy cũng đã lớn tuổi hoặc đã mất, hiện còn khoảng 50 nghệ nhân có khả năng truyền dạy nghề. Lực lượng trong độ tuổi lao động thì nhiều, nhưng cũng không còn mấy người tâm huyết, mặn mà với nghề nữa mà đi tìm kiếm các công việc khác để kiếm sống, dẫn đến đội ngũ kế thừa rất hạn chế. Theo thống kê năm 2017, trên toàn tỉnh có 643 nghệ nhân đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ biết dệt thổ cẩm truyền thống của dân tộc mình (có phụ lục 09 kèm theo).

Qua quá trình điều tra cho thấy, sản phẩm thổ cẩm của các dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Đắk Nông đặc biệt về trang phục cơ bản vẫn giữ được nét văn hóa truyền thống, nhưng có cải tiến về hoa văn trang trí theo xu hướng hiện đại. Đa số những người biết dệt từ khi còn nhỏ, được cha mẹ, ông bà truyền dạy và một số được học qua các lớp truyền dạy nghề do địa phương tổ chức. Nhiều người có khả năng dệt rất tốt nhưng do không còn đủ sức khỏe để dệt, khả năng nguồn vốn để duy trì nghề dệt cũng không có, sản phẩm thổ cẩm làm ra chỉ ở phạm vi gia đình và phục vụ cho gia đình là chính, sản phẩm làm được không có đầu ra dẫn đến họ không thiết tha với nghề nữa mà tự chuyển sang các nghề khác. Vì vậy, vai trò của người phụ nữ trong việc giữ hồn dân tộc truyền thống cũng dần thay đổi theo xu hướng thị trường, bởi người phụ nữ hiện nay không phải là người phụ nữ gắn liền với khung cửi, may vá, thêu thùa mà người phụ nữ còn phải gánh vác thêm việc xã hội nên tư duy cũng có sự thay đổi. Bên cạnh đó, chi phí để làm nên một sản phẩm thổ cẩm truyền thống tốn kém gấp nhiều lần so với sản phẩm hiện đại. Việc làm ra một sản phẩm làm từ thủ công là một quãng thời gian quá dài mà lại không có thị trường tiêu thụ. Quá trình giao lưu văn hóa, hội nhập kinh tế cũng ảnh hưởng đến văn hóa truyền thống văn hóa nói chung, truyền thống văn hóa dân tộc tỉnh Đắk Nông nói riêng, thay vì trang phục làm ra từ những chất liệu truyền thống (bông, lanh, dệt, nhuộm) đó là trang phục công nghiệp bằng sợi tổng hợp, với nhiều chủng loại, mẫu mã đa dạng được bán trên thị trường.

Như vậy, nghề dệt thổ cẩm của các tộc người thiểu số tại chỗ trên địa bàn tỉnh Đắk Nông đang dần bị mai một. Vì thế nhà nước cần có những giải pháp cơ bản về cơ chế chính sách, vốn, kỹ thuật, thị trường,... nhằm phát triển và bảo

tồn được các giá trị truyền thống văn hóa của đồng bào qua sản phẩm dệt thổ cẩm. Xây dựng các làng nghề dệt thổ cẩm truyền thống là một việc làm cần thiết, từ đó tạo ra các sản phẩm đặc trưng, đưa vào phục vụ khách du lịch tại địa phương và tìm thị trường đầu ra cho sản phẩm. Các ngành chức năng cần tiến hành rà soát các dân tộc đang còn dệt thổ cẩm, các hộ gia đình, các nghệ nhân, những người biết dệt thổ cẩm để định hướng, nhằm khôi phục ngành nghề dệt thổ cẩm truyền thống ở Đắk Nông.

+ Đan lát và làm cây nêu

Cây nêu: Trong các lễ hội, cây nêu là trục tâm linh, là nơi đi về của các vị thần, ngoài ra nó còn được ví là trục vũ trụ thông tam giới, giúp con người có thể bắc nhịp cầu tâm linh để tiếp cận gần hơn với các đấng thần linh và cõi ông bà tổ tiên. Người M'ông, Mạ, Ê đê ở Đắk Nông có phong tục dựng cây nêu trong các lễ hội long trọng như: lễ hội cúng bến nước, lễ cúng sức khỏe, lễ sum họp cộng đồng, lễ mừng lúa mới... Họ quan niệm dựng cây nêu càng cao, càng đẹp thì càng có ý nghĩa thiêng liêng, càng được Yàng (ông trời) giúp đỡ, phù hộ cho mọi người bình an, khỏe mạnh và mùa màng tốt tươi.

Cây nêu trong các lễ hội này được làm khá kỳ công và tỉ mỉ, cây nêu đóng vai trò để cúng thần lành, để nối kết thần thiêng với con người và xua đuổi thần dữ ra khỏi nhà, khỏi làng, khỏi vùng đất của họ. Họ xin các thần lành gìn giữ con cái, vợ chồng, bon, buôn, rẫy nương, cây cối và hoa màu cho mình, cầu xin sức khỏe cho cộng đồng. Trước lễ hội khoảng 01 tháng, thanh niên trai tráng trong làng phải tìm chọn một cây lồ ô cao lớn nhất trong vùng để làm thân cây nêu. Cấu tạo cây nêu của người M'ông, Mạ, Ê đê có 03 bộ phận chính: cọc nêu, thân nêu và tua nêu. Thân nêu cao nhất, tượng trưng cho mặt trời và mặt trăng, làm bằng cây tre hoặc gỗ sườn thẳng, nằm ở vị trí chính giữa của nêu. Tua nêu là 4 cây trúc nhỏ, cong hướng về 4 phía tượng trưng cho bốn phương trời. Người ta có thể tận dụng hầu hết các màu sắc để tô vẽ cho nêu. Còn về hình khối thì nhất thiết phải có hình vuông, hình thoi, tam giác, bán nguyệt và các đường viền cong lượn khác, mỗi hình khối nói lên một ý nghĩa riêng. Hình tròn tượng trưng cho mặt trời, mặt trăng; hình vuông tượng trưng cho đất; hình tam giác tượng trưng cho sự vững bền. Cây nêu đặt ở phần trung tâm của sân, kích cỡ cao hay thấp đối với họ không quan trọng, nhưng phải toát lên được những điểm chính vừa kể trên. Các bộ phận của cây nêu là do người nam làm, bởi liên quan đến nghệ thuật đan lát, đục đẽo là công việc của đàn ông.

Cây nêu như là cầu nối giữa người phàm và các vị thần linh, nó được gọt giữa trau chuốt khá tỉ mỉ. Cây chính giữa cao vút lên trên, thể hiện cho sự vươn lên trong cuộc sống, đồng thời thay cho tiếng khản cầu, tiếng mời gọi Yàng ở trên cao, mời gọi các vị thần ở nơi xa xăm hãy về đây cùng dân làng. Cọc và cây nêu biểu trưng cho sự cứng cáp của cánh đàn ông, con trai, còn những cành xung quanh biểu trưng cho sự mềm mại của cánh đàn bà, con gái. Đối với cộng đồng các dân tộc, việc dựng cây nêu cao lớn giữa làng cũng là lời khẳng định địa vị và khu vực cư trú của một buôn làng nào đó. Khi cây nêu được dựng lên, tất cả mọi hoạt động lao động khác đều dừng lại. Con người yên tâm vui chơi, cả

cộng đồng sinh hoạt vui vẻ, quên đi những ưu phiền của năm cũ. Cây nêu mang nhiều ý nghĩa trong đời sống lễ hội và tâm linh của cộng đồng Tây Nguyên nói chung và người M'ông, Mạ, Ê đê là một biểu tượng không thể phai mờ trong đời sống tâm linh của cư dân nông nghiệp trên miền đất cao nguyên hùng vĩ này. Theo thống kê năm 2017, trên toàn tỉnh có 53 nghệ nhân biết làm cây nêu truyền thống của dân tộc mình (có phụ lục 16 kèm theo).

Đan lát: Đồng bào các dân tộc thiểu số tại chỗ tỉnh Đắk Nông đã cư trú lâu đời nhưng nền kinh tế được xem như chậm phát triển (trước đây chủ yếu là sống du canh du cư, kinh tế tự cấp tự túc). Vì vậy, nghề truyền thống hầu như không có gì. Do đó, đan lát chỉ để dùng cho cá nhân và gia đình hoặc làm lễ vật trong các nghi lễ cưới, hỏi, rất ít dùng để trao đổi, mua bán, vì vậy không phát triển thành nghề truyền thống. Với sự cần cù khéo léo, các nghệ nhân đã “thổi hồn” vào mây, tre, nứa, tạo ra những sản phẩm giản dị nhưng đầy tiện lợi, mang đậm dấu ấn văn hóa của dân tộc mình với những kiểu dáng và hoa văn trang trí trên nó.

Nghề đan lát đòi hỏi sự khéo léo, tỉ mỉ của người đan trong từng công đoạn, từ khâu chuẩn bị nguyên liệu cho đến khâu cuối cùng thành sản phẩm. Nguyên liệu dùng trong đan lát của các dân tộc thường được khai thác từ thiên nhiên ở các đồi núi quanh địa bàn cư trú, bao gồm các loại cây thuộc họ tre (tre, nứa, lồ ô...) hoặc loại dây leo (mây, cói, dây rừng...). ngoài ra, còn có các loại vỏ cây (sâm lữ, sim rừng, cóc rừng, gạo...), các loại vỏ cây này mềm nhưng có độ dai rất tốt để làm đế hoặc dây quai cho sản phẩm. Những nguyên liệu này được lựa chọn bằng kinh nghiệm thực tế của người đan. Họ thường chọn những cây tre có độ tuổi từ 3 năm trở lên, vì nếu tre non thì rất giòn, dễ gãy và chỉ chặt vào những ngày cuối tháng không có trăng, bởi vì cây tre đầu tháng chứa nhiều nước nên mất nhiều thời gian khi sấy và dễ bị mốc. Mây thì chỉ lấy dây già, leo trên cây cao, có màu vàng hoặc xanh để đảm bảo độ dẻo. Đồng thời những cây mây, tre phải thẳng đều và dài thì mới cho ra sợi nan suôn mượt, để khi đan không phải nối nhiều đoạn. Sau khi đã chọn được mây, tre đủ tiêu chuẩn, người đan sẽ bắt tay vào việc vót nan. Công đoạn vót nan cũng mang yếu tố quyết định để hoàn thiện cho một sản phẩm đẹp, do đó đòi hỏi người đan phải có kinh nghiệm, chẻ nan mỏng hay dày là tùy thuộc vào sản phẩm sẽ được đan. Nan chuốt xong đem treo lên giàn bếp trong một thời gian nhất định mới đan được.

Với kỹ thuật đan theo kiểu cài lóng một, lóng đôi, lóng ba hoặc cài nan hình lục giác... cùng kết hợp lối kết nan, quần nan rất phức tạp và tinh vi đầy sức sáng tạo, người Mạ đã tạo ra được rất nhiều loại sản phẩm đan lát. Từ đồ đựng, phương tiện vận chuyển đến một số vật dụng được dùng trong các nghi lễ với các kiểu dáng sản phẩm rất phong phú như: gùi có thân cuốn hình trụ, đáy vuông; nia hình lá đề (hay còn gọi nia hình trái tim); rá đựng cơm miệng tròn, đế hình vuông; chụp mối hình chóp; lồng nhót cá hình trụ tròn; chuồng nhót gà các loại (hình khum có đáy chữ nhật; hình khối vuông có chóp tròn và vô vàn những hình khối khác). Tùy từng loại sản phẩm mà các nghệ nhân sử dụng những kỹ thuật đan khác nhau.

Mặc dù không phải là nghề tăng thêm thu nhập thường xuyên trong gia đình, nhưng sản phẩm đan lát đã trở thành những vật dụng hết sức cần thiết cho sinh hoạt hàng ngày của đồng bào các dân tộc tỉnh Đắk Nông. Bởi thế mà nghề đan lát cứ được truyền từ đời này sang đời khác. Theo thống kê năm 2017, trên toàn tỉnh có 363 nghệ nhân biết đan lát truyền thống của dân tộc mình (có phụ lục 11 kèm theo).

- Các loại hình văn hóa phi vật thể của các dân tộc thiểu số phía Bắc:

Sau 1975, đặc biệt là những năm gần đây, dân cư tất cả các vùng miền trong cả nước đặc biệt là các tỉnh phía Bắc đến Tây Nguyên sinh sống, trong đó có Đắk Nông ngày càng nhiều. Hiện nay, số lượng dân số đồng bào các dân tộc thiểu số phía Bắc chỉ đứng sau người Kinh và cao hơn nhiều dân số đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ. Ngoài việc đóng góp công sức vào xây dựng quê hương mới trên nhiều lĩnh vực, đồng bào các dân tộc thiểu số phía Bắc đã đem đến vùng đất mới sắc màu văn hóa của chính dân tộc họ như lễ hội, nghệ thuật diễn xướng, nghệ thuật ẩm thực dân gian và nghề thủ công truyền thống..., đóng góp quý giá vào kho tàng văn hóa chung của cộng đồng các dân tộc tỉnh Đắk Nông. Tại các liên hoan văn hóa hay hội diễn văn nghệ thường kỳ của ngành Văn hóa tỉnh Đắk Nông ngày càng có nhiều sự hiện diện các tiết mục mang sắc màu văn hóa văn nghệ các dân tộc thiểu số phía Bắc. Chúng ta đã quen thuộc khi thấy trên sân khấu hay trong các lễ hội xuất hiện cây đàn tính và điệu hát then của người Tày, Nùng, những tiếng khèn và điệu múa ô của người Mông, múa gậy của người Dao, múa xòe của người Thái...

+ Nhạc cụ: Nhạc cụ của đồng bào các dân tộc thiểu số phía Bắc rất đa dạng. Mặc dù đã định cư trên vùng đất mới Đắk Nông, nhưng do điều kiện kinh tế khó khăn nên việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa gặp nhiều trở ngại. Tuy nhiên, các nhạc cụ này hiện vẫn đang được các nghệ nhân dân gian lưu truyền và phát huy trong sinh hoạt đời thường, các dịp hội hè, lễ tết của họ trên quê hương mới Đắk Nông. Cũng như các dân tộc khác, trong quá trình lao động sản xuất, đồng bào các dân tộc thiểu số phía Bắc đã chế tạo ra nhiều loại nhạc cụ phục vụ cho đời sống tinh thần của mình như: Đàn tính, là nhạc cụ của các dân tộc Tày, Nùng, Thái; người Tày, Nùng gọi là Tính Then, người Thái gọi là Tính Tầu (Tính là đàn, Tầu gọi là quả bầu); khèn Mèo, sáo Mèo của người Mông; Pí lè của người Thái - Tày, khèn bè của người Thái... Theo thống kê năm 2017, trên toàn tỉnh có khoảng 69 nghệ nhân biết và sử dụng đàn tính – hát then (có phụ lục 04 kèm theo).

+ Lễ hội dân gian: Một điều dễ nhận thấy là, trong khi văn hóa truyền thống của đồng bào các dân tộc thiểu số tỉnh Đắk Nông ngày càng mai một và biến thể thì văn hóa truyền thống, nhất là một số lễ hội văn hóa của đồng bào các dân tộc thiểu số phía Bắc lại có xu hướng phục hồi. Đặc biệt, các hoạt động văn hóa của đồng bào các dân tộc thiểu số phía Bắc chủ yếu tồn tại bằng yếu tố tự thân, các hoạt động văn hóa của họ ít dựa vào sự hỗ trợ của nhà nước là điều quan trọng cho sự tồn tại và phát triển bền vững. Vào dịp tết Nguyên đán cũng là mùa lễ hội của đồng bào các dân tộc, nhiều sinh hoạt văn hóa truyền thống và

lễ hội của đồng bào các dân tộc thiểu số phía Bắc được tổ chức. Huyện Đắk Glong, nơi có đồng đồng bào các dân tộc thiểu số phía Bắc, hàng năm vào dịp tết Nguyên đán, lễ hội Lồng Tồng của người Tày và hội thi Chọi Bò của người Mông tại xã Quảng Hòa, hay chợ phiên của người Mông ở xã Đắk Som; lễ hội Gầu Tào của người Mông ở xã Đắk R' măng được tổ chức rất lớn và có rất đông người tham gia. Hay Lễ hội Lồng Tồng (xuống đồng) của người Tày, Nùng được tổ chức ở nhiều nơi như: xã Long Sơn, huyện Đắk Mil; xã Nam Xuân và xã Nam Đà, huyện Krông Nô; xã Nâm N' Jang, huyện Đắk Song. Ngoài ra, còn có các Hội Ném Cờn tổ chức vui chơi đầu xuân của người Mông, Thái, Tày tại xã Cư Knia, Đắk Drông, huyện Cư Jút... (có phụ lục 15 kèm theo).

Nhìn chung, các hoạt động nghi lễ, lễ hội của các dân tộc thiểu số phía Bắc di cư vào Đắk Nông đã được tổ chức ở nhiều địa phương. Tuy nhiên, do cuộc sống còn nhiều khó khăn nên việc tổ chức các hoạt động mang tính tự phát, năm có năm không trong khi công tác bảo tồn và phát huy văn hóa truyền thống các dân tộc phía Bắc chưa được quan tâm đúng mức.

+ Dệt thổ cẩm: Thổ cẩm là sản phẩm nghề thủ, dệt thủ công truyền thống của đồng bào các dân tộc thiểu số phía Bắc, là kết tinh của sự sáng tạo, hài hòa, phẩm chất đạo đức và cách làm ăn của chị em phụ nữ, là tiêu chí chọn vợ của các chàng trai. Hiện nay nghề thủ, dệt thủ công của đồng bào các dân tộc thiểu số phía Bắc vẫn được duy trì trên quê hương mới Đắk Nông, trở thành biểu tượng trong đời sống văn hóa tinh thần. Các sản phẩm thổ cẩm làm ra chủ yếu để phục vụ nhu cầu trong gia đình, làm của hồi môn cho con gái khi về nhà chồng... Để tạo ra được những tấm thổ cẩm đẹp, người phụ nữ phải tiến hành nhiều công đoạn khác nhau. Thổ cẩm được dệt hoàn toàn bằng tay nên độ chặt, lỏng, mềm, cứng của sản phẩm đều theo ý muốn và khả năng của người làm ra nó. Họ có thể thêu nên những chất liệu vải khác nhau để trang trí cho từng loại sản phẩm. Mỗi dân tộc có các họa tiết hoa văn đặc sắc rất khác nhau và được phối màu một cách hài hòa, làm nổi bật những khối hoa văn chính tạo nên những nét riêng biệt cho mỗi dân tộc. Sản phẩm của nghề thủ, dệt thủ công được sử dụng thường ngày trong trang phục, đồ dùng gia đình như: chăn, đệm, địu, màn, tà áo, khăn,... Thủ, dệt thổ cẩm là một truyền thống quan trọng và cũng là một hoạt động tạo thu nhập mà người phụ nữ có thể làm tại nhà theo giờ giấc linh hoạt, nên có thể kết hợp với những công việc khác. Qua điều tra, thống kê, có thể nhận thấy rằng, dệt thổ cẩm vẫn chiếm một phần quan trọng trong đời sống của đồng bào các dân tộc phía Bắc tại Đắk Nông, tuy nhiên có nhiều mai một, do không đủ sức cạnh tranh với các sản phẩm sản xuất hàng loạt trong thời đại công nghiệp hóa, hiện đại hóa và thay đổi tập quán canh tác, nơi sinh sống mới; nghề thủ, dệt thổ cẩm được xem là nghề phụ của các dân tộc. Hiện nay, các sản phẩm chủ yếu được thêu trên các chất liệu vải được mua trên thị trường; các sản phẩm được dệt bằng tay còn nhưng rất hạn chế. Theo thống kê năm 2017, trên toàn tỉnh có 55 nghệ nhân đồng bào dân tộc thiểu số phía Bắc biết dệt thổ cẩm truyền thống của dân tộc mình (có phụ lục 10 kèm theo).

+ Âm thực truyền thống: Mặc dù định canh trên vùng đất mới Đắk Nông, đời sống vẫn còn nhiều khó khăn nhưng đồng bào các dân tộc thiểu số phía Bắc

vẫn bảo tồn các giá trị văn hóa dân tộc, phát huy văn hóa truyền thống của dân tộc mình và đóng góp chung vào văn hóa của cộng đồng các dân tộc trên vùng đất mới. Có thể thấy rằng, mỗi dân tộc thiểu số phía Bắc đều có những món ăn dân gian, truyền thống riêng, mang đậm sắc thái dân tộc mình. Người H'Mông có món mèn mén, người Tày nổi tiếng với thắng cố, người Thái được biết đến nhiều qua các món nướng. Tuy nhiên, một số món ăn được nhiều dân tộc ưa dùng nhất đó là thắng cố và các món làm từ thịt trâu, từ cá,... Bên cạnh đó, món lợn quay và vịt quay nhồi lá mắc mật rất thơm ngon, không chỉ là món ăn đặc sản mà còn là lễ vật trong đám cưới của người Tày hay các nhà hàng ẩm thực ở Đắk Nông. Món gà xào gừng đậm đà của người Dao, cá trắng suối nướng lửa than và nhâm nhi với chén rượu gạo đậm nồng của người Mường được nhiều người ưa thích...

2. Suu tầm di vật, cổ vật quý hiếm:

Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo cơ quan chuyên môn thực hiện khảo sát, điền dã thu thập thông tin (liên quan đến hiện vật). Với tính cấp bách các đơn vị ưu tiên sưu tầm các mẫu khoáng sản tự nhiên quý như mẫu đá canxedon, thiên thạch, mã não, sapphire, topaz, tourmaline, ruby, thạch anh, peridot, hổ phách; các hiện vật văn hóa truyền thống quý, hiếm đã và đang đứng trước nguy cơ thất thoát, mai một như: các loại chóc quý của dân tộc M'ông, Ê đê; trống, nồi đồng của dân tộc Ê đê, Mạ, Tày; bộ đồ thờ tự của dân tộc Kinh; các hiện vật lịch sử như: máy đánh chữ, máy điện đài, súng DKZ 82, súng pháo DKZ. Kết quả đã sưu tầm được 262 hiện vật, gồm: 52 hiện vật văn hóa dân tộc; 07 hiện vật lịch sử; 203 mẫu khoáng sản tự nhiên.

Stt	Tên hiện vật	Số lượng	Chất liệu	Kích thước, trọng lượng
I	Năm 2017	20		
1	Trống (Ê đê)	01	Gỗ, da	
2	Khố (M'ông)	01	Vải	
3	Nồi Đồng Nùng	02	Đồng	
4	Nồi Đồng Thái	02	Đồng	
5	Đàn tính (Tày)	01	Gỗ	
6	Váy thường (Thái)	01	Vải	
7	Váy lễ (Thái)	01	Vải	
8	(Chóc) Yang Tang Êr (Ê đê)	01	Góm	
9	Mâm Đồng (M'ông)	01	Đồng	
10	Gùi có nắp (M'ông)	01	Tre, nứa	
11	Nồi đồng Nùng	01	Đồng	
12	(Chóc) Yang Tang Dra (M'ông)	01	Góm	

Stt	Tên hiện vật	Số lượng	Chất liệu	Kích thước, trọng lượng
13	(Chóe) Yang Tang Got (M'ông)	01	Gốm	
14	Nồi đồng Tày	01	Đồng	
15	Hoa tai ngà voi (M'ông)	02	Sừng	
II	Năm 2018	153		
Hiện vật tài nguyên thiên nhiên (Khoáng sản tự nhiên)				
1	Mẫu đá opan (gan gà)	01 (mẫu)	Đá	11,2 kg
2	Mẫu đá canxedon	01 (mẫu)	Đá	36,6 kg
3	Mẫu đá thiên thạch	01 (mẫu)	Đá	0,2 kg
4	Mẫu đá mã não	01 (mẫu)	Đá	4,8 kg
5	Mẫu đá sapphire	02 (mẫu)	Đá	0,66 kg
6	Mẫu đá tourmaline	01 (mẫu)	Đá	11,5 kg
7	Mẫu đá topaz	01 (mẫu)	Đá	0,20 kg
8	Mẫu đá cotsium	01 (mẫu)	Đá	4,4 kg
9	Mẫu đá ruby	128 (viên)	Đá	0,99 kg
Hiện vật văn hóa dân tộc truyền thống				
Dân tộc M'ông				
1	Yăng Tang (Chóe con rồng)	01 (cái)	Gốm	Cao 79cm; đường kính miệng 25cm, đường kính đáy 22cm
2	Yăng Tang (Chóe con rùa)	01 (cái)	Gốm	Cao 82cm, đường kính miệng 23,5cm, đường kính đáy 23cm
3	Yăng Tang (Chóe Tang)	01 (cái)	Gốm	Cao cao 57cm, đường kính miệng 25cm, đường kính đáy 22cm
4	Yang Mekri (Ché Mekri)	01 (cái)	Gốm	Cao 80cm; đường kính miệng 22,5cm
5	Yang Rnan (Ché Rnan)	01 (cái)	Gốm	Cao 69cm, đường kính miệng 19cm
6	Yang Tang Phiêk (Ché Tang Phiêk)	01 (cái)	Gốm	Cao 83cm, đường kính miệng 21,5cm

Stt	Tên hiện vật	Số lượng	Chất liệu	Kích thước, trọng lượng
7	Ché (Yăng Bôch) của dân tộc M'ông	01 (cái)	Gốm	Đường kính miệng 19cm; cao 58cm
8	Choé (Yăng Pre) của dân tộc M'ông	01 (cái)	Gốm	Đường kính miệng 21cm; cao 63cm
9	Choé (Yăng Tang Lang) của dân tộc M'ông	01 (cái)	Gốm	Đường kính miệng 22cm; cao 66cm
10	Choé (Yăng Tang Kal) của dân tộc M'ông	01 (cái)	Gốm	Đường kính miệng 21cm; cao 72cm
Dân tộc Ê đê				
1	Trống (Hgor)	02 (cái)	Gỗ, da	- Cao 71cm; mặt trống rộng: 63cm; chu vi thân 209cm. - Cao 68cm; đường kính miệng 58cm
2	Ché Jâng (Chóe Jâng)	01 (cái)	Gốm	Cao 79cm, đường kính miệng 25cm, đường kính đáy 22cm
3	Ché Par (Chóe Par)	01 (cái)	Gốm	Cao 66cm, đường kính miệng 23cm, đường kính đáy 21cm
Dân tộc Mạ				
1	Trống (Sorgor)	01 (cái)	Gỗ, da	Cao 95cm; mặt trống rộng 81,5cm; chu vi thân 299cm
Dân tộc Tày				
1	Nồi đồng	01 (cái)	Đồng	Cao 25cm; miệng rộng: 42,5cm; đáy rộng 45cm
III	Năm 2019	89		
Hiện vật tài nguyên thiên nhiên (Khoáng sản tự nhiên)				
1	Mẫu đá thạch anh	01 (mẫu)	Đá	51,2kg
2	Mẫu đá peridot	01 (mẫu)	Đá	1,2kg
3	Mẫu đá ruby	60 (viên)	Đá	0,35kg
4	Mẫu đá opan	01 (mẫu)	Đá	31,2kg
5	Mẫu đá thủy tinh	01 (mẫu)	Đá	2,2kg

Stt	Tên hiện vật	Số lượng	Chất liệu	Kích thước, trọng lượng
6	Mẫu đá hồ phách	02 (mẫu)	Đá	17,3g
Hiện vật văn hóa dân tộc				
1	Ché Jip của dân tộc M'ông	03	Gốm	<ul style="list-style-type: none"> - Đường kính miệng rộng 25cm, cao 79cm, cổ cao 5cm, chu vi thân 1,34m, đáy rộng 21cm - Đường kính miệng rộng 25cm, cao 82cm, cổ cao 5cm, chu vi thân 1m36cm, đáy rộng 22cm - Đường kính miệng rộng 26cm, cao 78cm, cổ cao 5cm, chu vi thân 1,35m, đáy rộng 21cm
2	Tù và của dân tộc M'ông	03	Sùng	<ul style="list-style-type: none"> - Dài 47,1cm, miệng rộng 9,4cm, chu vi thân 25m - Dài 45cm, miệng rộng 9,8cm, chu vi thân 27,4cm - Dài 41cm, miệng rộng 12cm, chu vi thân 31m
3	Tù và của dân tộc Ê đê	03	Sùng	<ul style="list-style-type: none"> - Dài 46cm, miệng rộng 8cm, chu vi thân 23cm - Dài 46cm, miệng rộng 10cm, chu vi thân 27,6cm - Dài 46,4cm, miệng rộng 8cm, chu vi thân 23cm
4	Sưu tập đồ thờ tự	07		
5	Đồ xông trầm (đỉnh trầm)	01	Đồng	Cao 15cm, đường kính miệng 13cm

Stt	Tên hiện vật	Số lượng	Chất liệu	Kích thước, trọng lượng
6	Lư hương (bát hương)	01	Đồng	Cao 8,1cm, đường kính miệng 9,8cm, đường kính đáy 7,8cm, chu vi vòng bụng 37cm
7	Chân đèn	02	Đồng	Cao 34cm, đường kính miệng 7,6cm, đường kính đáy 7,4cm
8	Bình bông	02	Đồng	Cao 36cm, đường kính miệng 9,6cm, đường kính đáy 7cm
9	Mâm quả	01	Đồng	Cao 7cm, đường kính miệng 23,8cm, đường kính đáy 7cm
Hiện vật lịch sử				
1	Máy điện đài PC 25	01	Kim loại	Rộng 28cm, cao 30cm, nặng 8,5kg
2	Máy đánh chữ	02	Kim loại	Rộng 50cm, cao 30cm, nặng 25kg
3	Súng pháo ĐKZ 75mm K56	01	Kim loại	Dài 80cm, cao 32cm, đường kính nòng 3,3cm; nặng 52kg
4	Lựu đạn quả na	02	Kim loại	Cao 4,5cm, đường kính 6,5cm
5	Súng ĐKZ 82 B10	01	Kim loại	Dài 75,5cm, cao 38cm, đường kính nòng 3,5cm, chu vi thân lớn nhất 19cm, chu vi thân nhỏ nhất 11,5cm
Tổng cộng		262		hiện vật

Để đạt được kết quả nêu trên, tỉnh đã triển khai thực hiện Đề án theo đúng quy trình quy định: điều tra, khảo sát hiện vật, lập danh mục, tổ chức Hội đồng xét duyệt hiện vật cần mua (chất lượng hiện vật, quy định giá cả, tính khả thi của hiện vật văn hóa...).

3. Về công tác trưng bày, phát huy giá trị các hiện vật sưu tầm

Việc kiểm kê đã và đang dần bổ sung, hoàn thiện các bộ sưu tập hiện vật bảo tàng, đáp ứng tốt cho công tác trưng bày, quảng bá di sản văn hóa địa phương đến đông đảo quần chúng nhân dân trong và ngoài tỉnh, đồng thời đảm bảo ổn định dần các tổ hợp trưng bày khi có nhà trưng bày bảo tàng.

Cùng với công tác nghiên cứu sưu tầm, nhằm phát huy tốt giá trị di sản văn hóa cũng như các hiện vật đã thu thập trong thời gian qua. Đơn vị đã tiến hành trưng bày nhiều hiện vật thuộc Đề án tại hơn 05 đợt trưng bày phục vụ các nhiệm vụ chính trị của tỉnh Đắk Nông trong năm 2017 và năm 2019 tại tiền sảnh Trung tâm Văn hóa - Điện ảnh tỉnh Đắk Nông, Di tích lịch sử Căn cứ kháng chiến B4 - Liên tỉnh IV... Qua đó được đông đảo học sinh, nhân dân thăm quan chiêm ngưỡng và đánh giá cao về tính thẩm mỹ cũng như mức độ quý hiếm, hấp dẫn của hiện vật.

Nhìn chung công tác trưng bày thử nghiệm để tiếp thu ý kiến công chúng về chất lượng hiện vật lịch sử văn hóa, kết quả Đề án đã đạt được khá khả quan, có tác dụng tích cực; phát huy tác dụng trong tham quan, giáo dục truyền thống và trong du lịch về nguồn, góp phần đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa của nhân dân, góp phần bảo tồn đa dạng di sản văn hóa vật thể của tỉnh nhà...

III. Thuận lợi, khó khăn

1. Thuận lợi

Được sự quan tâm và chỉ đạo sát sao của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cùng sự phối hợp của các cấp chính quyền địa phương trong triển khai thực hiện kiểm kê di sản, sưu tầm hiện vật, tài liệu lịch sử; đội ngũ cán bộ chuyên môn và cộng tác viên cơ sở nhiệt huyết, năng động đã góp phần triển khai thực hiện hoàn thành các nhiệm vụ đạt chất lượng và đúng tiến độ của Đề án.

2. Tồn tại, hạn chế

- Trong quá trình điều tra, kiểm kê xét thấy một số tập quán lạc hậu của đồng bào dân tộc tại chỗ chưa được xóa bỏ triệt để, ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế xã hội, an ninh quốc phòng.

- Việc khôi phục, bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể các dân tộc tại chỗ chưa được đẩy mạnh, bản sắc văn hóa chưa được khai thác tương xứng với tiềm năng, nhiều phong tục tập quán tốt đẹp của đồng bào các dân tộc đã bị mai một; cán bộ làm công tác văn hóa ở cơ sở còn thiếu, chưa được đầu tư; các hình thức hoạt động văn hóa còn giản đơn và chưa rộng khắp; kinh phí phân bổ cho việc khôi phục, bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể các dân tộc còn hạn chế, chưa kịp thời.

- Hầu hết ở các huyện, thành phố đa phần đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ sống ở những vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, phương tiện đi lại khó khăn, chính vì vậy công tác xã hội hóa cho các hoạt động văn hóa còn nhiều khó khăn và hạn chế.

- Công tác tuyên truyền về văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số chưa thật sự chặt chẽ và sâu sắc.

3. Giải pháp, kiến nghị, đề xuất

a) Giải pháp thực hiện

- Lập danh sách và xây dựng hồ sơ các nghệ nhân còn biết các loại hình di sản văn hóa phi vật thể như: diễn tấu công chiêng, hát kể sử thi, dân ca, câu đối, truyện cổ, luật tục..., trình cấp thẩm quyền phong tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước, trên cơ sở đó triển khai các chính sách đối với các nghệ nhân theo quy định hiện hành.

- Xây dựng và triển khai việc điều tra, sưu tầm, phục dựng các lễ hội truyền thống, ngành nghề thủ công truyền thống của 03 dân tộc thiểu số tại chỗ đang sinh sống trên địa bàn tỉnh. Đồng thời, có chiến lược phục hồi và lưu giữ cho thế hệ sau biết và phát huy giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc mình.

- Thường xuyên tuyên truyền nâng cao nhận thức của cộng đồng dân tộc thiểu số tại chỗ trên tất cả các bon, buôn trong địa bàn tỉnh về vấn đề bảo tồn và phát huy di sản văn hóa của dân tộc, thu hút được đông đảo các tầng lớp nhân dân cùng chung sức tham gia vào các biện pháp bảo tồn và phát huy giá trị của văn hóa truyền thống.

- Xuất bản sách về công chiêng, lễ hội truyền thống, công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa truyền thống... của các dân tộc thiểu số tại chỗ trên địa bàn tỉnh.

- Hằng năm lập kế hoạch sưu tầm các hiện vật về văn hóa phi vật thể của các dân tộc thiểu số đang sinh sống trên địa bàn tỉnh về bảo quản và trưng bày tại Bảo tàng tỉnh để giới thiệu đến nhân dân và khách du lịch trong và ngoài nước.

- Xây dựng chiến lược đào tạo, bồi dưỡng thế hệ trẻ, những người có đủ kỹ năng về sức khỏe, lòng nhiệt huyết theo học các ngành nghề thủ công truyền thống của dân tộc mình như: Đan lát, dệt, chế tác nhạc cụ truyền thống...; đồng thời khuyến khích và có chế độ đãi ngộ các nghệ nhân tham gia truyền dạy cho thế hệ trẻ.

- Tăng cường các hoạt động tuyên truyền, quảng bá sâu rộng các sản phẩm văn hóa thông qua các hội thi, liên hoan, giao lưu văn hóa, văn nghệ... như tuần văn hóa các dân tộc thiểu số, chương trình giao lưu văn hóa giữa các làng đồng bào dân tộc trong huyện... gắn liền với hoạt động du lịch về nguồn nhằm phát huy tối đa giá trị của các di sản.

- Hoàn thiện các sưu tập hiện vật phục vụ công tác trưng bày, đồng thời tăng cường công tác sưu tầm hiện vật văn hóa dân tộc và lịch sử, trong đó ưu tiên tìm mua các hiện vật quý, hiếm đang có nguy cơ thất thoát, mai một.

- Trang bị thêm các phương tiện di chuyển hiện vật, các trang thiết bị hiện đại như máy hút ẩm, máy điều hòa nhiệt độ, máy hút bụi,... dần hình thành một hệ thống kho bảo quản hiện đại.

b) Kiến nghị, đề xuất

Đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch:

- Tham mưu xây dựng, chỉnh sửa, hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật trong công tác bảo tồn di sản văn hóa vật thể và phi vật thể (trong đó đặc biệt cần quy định rõ về chính sách đãi ngộ cho nghệ nhân, chế độ nghệ nhân khi tham gia các hoạt động của địa phương và trung ương tổ chức; chính sách cho nghệ nhân có nhiều đóng góp trong hoạt động bảo tồn di sản văn hóa tại địa phương...).

- Tiếp tục quan tâm, đầu tư, hỗ trợ kinh phí, cơ sở vật chất cho công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể, ngăn ngừa nguy cơ làm mai một, thất truyền di sản văn hóa phi vật thể trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

- Hàng năm tổng kết, đánh giá, khen thưởng, khích lệ động viên kịp thời những cá nhân, tập thể, gia đình có nhiều thành tích khi tham gia công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể.

- Tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ về công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể cho cán bộ tại địa phương.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện Đề án kiểm kê, sưu tầm bảo quản, trưng bày, tuyên truyền di sản văn hóa truyền thống điển hình của các dân tộc thiểu số Việt Nam, giai đoạn 2016-2020. Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quan tâm, tổng hợp./.

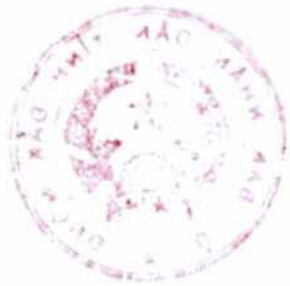
Nơi nhận:

- Bộ VH,TT&DL;
- Cục Di sản Văn hóa;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Lưu: VT, KGVX.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Tôn Thị Ngọc Hạnh



4400
HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ VÀO MỸ
HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ VÀO MỸ
HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ VÀO MỸ